

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

Số: 529 /LĐTBXH-BHXH
V/v tài liệu giới thiệu Luật Bảo hiểm
xã hội năm 2014

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Bộ Tư pháp
(Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật)

Theo đề nghị tại văn bản số 191/BTP-PBGDPL ngày 21/01/2015 của Bộ Tư pháp về việc biên soạn tài liệu giới thiệu các Luật mới ban hành, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chuẩn bị Đề cương giới thiệu nội dung cơ bản của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (gửi kèm theo).

Đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp, triển khai thực hiện./.

Noi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Phạm Minh Huân (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ BHXH.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ BẢO HIỂM XÃ HỘI**



Trần Thị Thuý Nga

NỘI DUNG GIỚI THIỆU VỀ LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2014 (Tài liệu gửi Bộ Tư pháp)

I. SỰ CÀN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Bảo hiểm xã hội là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, luôn được ghi nhận trong các văn kiện của Đảng và Hiến pháp qua các thời kỳ. Để tổ chức thực hiện chính sách này, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt với sự ra đời của Luật Bảo hiểm xã hội (được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006) đánh dấu một bước quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả thực thi chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, pháp điển hóa các quy định hiện hành và bổ sung các chính sách bảo hiểm xã hội phù hợp với quá trình chuyển đổi của nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng nguyện vọng đồng đảo người lao động, bảo đảm an sinh xã hội và hội nhập quốc tế.

Sau 7 năm thực hiện, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành đã đi vào cuộc sống, phát huy tích cực trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động, góp phần thực hiện mục tiêu chính sách an sinh xã hội của nhà nước. Quá trình triển khai thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội đã mang lại một số kết quả sau:

Thứ nhất, nhận thức của người lao động, người sử dụng lao động và xã hội đã có những chuyển biến tích cực.

Thứ hai, Luật Bảo hiểm xã hội đã tạo điều kiện để mọi người lao động đều có thể tham gia vào hệ thống bảo hiểm xã hội với việc bổ sung thêm hình thức bảo hiểm xã hội tự nguyện. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tăng: Năm 2006 mới có 6,7 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì đến hết năm 2013 đã có hơn 10,89 triệu người (tăng 1,6 lần). Năm 2008 là năm đầu tiên triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện có 6.110 người tham gia, đến hết năm 2013 đã có 173.584 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Thứ ba, các chế độ bảo hiểm xã hội được thiết kế phù hợp hơn, bảo đảm tốt hơn nguyên tắc đóng - hưởng, đã góp phần ổn định đời sống của người lao động trong quá trình làm việc và khi hết tuổi lao động.

Thứ tư, việc giải quyết chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động đã bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật hơn; quản lý chặt chẽ các đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hàng tháng; hình thức chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội ngày càng được cải tiến, hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia bảo hiểm xã hội khi thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội cũng bộc lộ những hạn chế, bất cập sau:

Thứ nhất, việc mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội còn chậm, đặc biệt là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Số người tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp (hiện tại mới chiếm khoảng 20% lực lượng lao động); Bảo hiểm xã hội tự nguyện mặc dù có đối tượng thuộc diện tham gia rộng, tuy nhiên trên thực tế thì số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện mới chỉ chiếm khoảng 0,3% số đối tượng thuộc diện tham gia. Nguyên nhân của tình trạng nêu trên là do một số quy định chính sách chưa thật sự hấp dẫn, chưa có cơ chế để khuyến khích người lao động tham gia, công tác tuyên truyền để mở rộng đối tượng còn chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ hai, tình trạng nợ đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội xảy ra còn khá phổ biến, đặc biệt ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm trên 70% tổng số nợ), làm ảnh hưởng đến nguồn thu quỹ bảo hiểm xã hội và quyền lợi của người lao động. Một trong những nguyên nhân của tình trạng nợ đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội nêu trên là do Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành quy định lãi chậm đóng bằng mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm, trong khi đó mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội thường thấp hơn nhiều so với lãi suất cho vay của các ngân hàng. Mặt khác, mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội theo quy định còn thấp. Chính vì vậy, nhiều doanh nghiệp có tình nợ đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội và chấp nhận chịu phạt để chiếm dụng tiền đóng bảo hiểm xã hội.

Thứ ba, một số quy định trong chế độ bảo hiểm xã hội hiện hành không còn phù hợp với thực tế, bộc lộ những hạn chế, bất cập, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm xã hội bắt buộc: Một số quy định trong pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành còn chưa phù hợp, như quy định về điều kiện hưởng lương hưu, tuổi nghỉ hưu đối với lao động nữ chưa tạo sự bình đẳng và tạo điều kiện để

lao động nữ có thể tiếp tục làm việc và nâng cao mức thu nhập; quy định cho phép người lao động có dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, chưa phù hợp với mục tiêu của bảo hiểm xã hội là nhằm bảo đảm cuộc sống cho người lao động khi hết tuổi lao động; quy định về tính mức bình quân tiền lương, tiền công tháng làm căn cứ tính hưởng bảo hiểm xã hội còn có sự khác biệt giữa khu vực hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang và các doanh nghiệp ngoài nhà nước; quy định về trợ cấp tuất hàng tháng và một lần hiện nay còn có sự chênh lệch lớn, một số trường hợp thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng bị thiệt thòi hơn rất nhiều so với việc hưởng trợ cấp tuất một lần.

- Đối với bảo hiểm xã hội tự nguyện: Mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hiện quy định còn khá cao so với đại bộ phận người dân ở khu vực nông thôn và lao động tự do có thu nhập hàng tháng thấp và không ổn định. Nhóm đối tượng người lao động từ 45 tuổi trở lên đối với nam và từ 40 tuổi trở lên đối với nữ không thể tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện để được hưởng lương hưu khi đến tuổi nghỉ hưu, do họ không thể đóng góp bảo hiểm xã hội tự nguyện đủ 20 năm¹ theo phương thức hàng tháng hoặc hàng quý hoặc 6 tháng một lần mà Luật bảo hiểm xã hội quy định.

Việc quy định quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện độc lập với quỹ hưu trí và từ tuất trong quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc gây nên sự khó khăn cho cơ quan bảo hiểm xã hội khi giải quyết chế độ cho những người nghỉ hưu vừa có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Thứ tư, hoạt động đầu tư tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội hiệu quả chưa cao, lãi thu được từ hoạt động đầu tư tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội chưa bao tồn được giá trị của quỹ, lãi suất đầu tư luôn ở dưới chỉ số tăng giá tiêu dùng (CPI) (lãi suất đầu tư bình quân của giai đoạn 2007 - 2012 chỉ khoảng 9,5%/năm, trong khi CPI bình quân là 13,2%/năm, tỷ lệ điều chỉnh lương hưu bình quân là 15,2%/năm). Một trong những nguyên nhân của hiệu quả đầu tư quỹ chưa cao là do hình thức đầu tư được quy định trong luật chưa thật đa dạng, đội ngũ cán bộ làm công tác đầu tư của cơ quan bảo hiểm xã hội chưa chuyên nghiệp.

¹ Luật BHXH quy định điều kiện để được hưởng lương hưu trong BHXH tự nguyện là nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên. Trường hợp nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi nhưng thời gian đóng BHXH còn thiếu không quá 5 năm so với thời gian quy định thì được đóng tiếp cho đến khi đủ 20 năm.

Thứ năm, quy định về chi phí quản lý của tổ chức bảo hiểm xã hội còn chưa phù hợp: Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành quy định tổ chức bảo hiểm xã hội là tổ chức sự nghiệp nhưng lại quy định chi phí quản lý của tổ chức bảo hiểm xã hội bằng mức chi phí quản lý của cơ quan hành chính nhà nước.

Thứ sáu, quy định về thủ tục, hồ sơ tham gia và thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội còn chưa thật thuận tiện, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội còn hạn chế, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, thống kê, điều hành, giám sát chưa có sự liên thông trong hệ thống từ đó dẫn tới những khó khăn trong đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với người tham gia và thụ hưởng bảo hiểm xã hội.

Thứ bảy, Luật Bảo hiểm xã hội chưa quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, ngành trong quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội.

Thứ tám, quỹ hưu trí và tử tuất có nguy cơ mất cân đối trong tương lai gần, tỷ trọng giữa số tiền chi trả chế độ so với số thu từ đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động hàng năm có xu hướng tăng nhanh, nếu như năm 2007 tỷ trọng số chi so với số thu chỉ chiếm 57,2% thì sang năm 2008 con số này là 73,7%, năm 2009 là 81,8%, năm 2010 là 76,3%; năm 2011 là 77%; năm 2012 là 68,6% và ước năm 2013 là 76,6% (năm 2010 và năm 2012 tỷ trọng chi so với thu có giảm xuống là do tác động của việc thực hiện quy định về điều chỉnh tăng tỷ lệ đóng góp thêm 2% ở mỗi năm).

Theo dự báo của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), với các chính sách hiện hành thì quỹ hưu trí và tử tuất đến năm 2021 thu trong năm không đủ chi trong năm, để bảo đảm khả năng chi trả, phải lấy từ nguồn kết dư của quỹ. Đến năm 2034, phần kết dư không còn, số chi lớn hơn rất nhiều so với số thu.

Nguy cơ về mất cân đối quỹ hưu trí và tử tuất được lý giải bởi một số nguyên nhân sau đây:

- Đóng- hưởng bảo hiểm xã hội còn mất cân đối, mức đóng chưa tương ứng với mức hưởng, cụ thể:

+ Tỷ lệ đóng góp vào quỹ hưu trí và tử tuất còn thấp so với mức hưởng lương hưu (từ năm 2012 tổng mức đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động là 20%, từ năm 2014 trở đi là 22%, trong khi tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa là 75% mức bình quân tiền lương, tiền công làm cù đóng bảo hiểm xã hội).

+ Mức tiền lương, tiền công làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội còn khoảng cách lớn với mức tiền lương, tiền công thực tế của người lao động (theo kết quả điều tra năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, con số này mới chỉ bằng 66% tiền lương, tiền công thực tế).

+ Tính tuân thủ các quy định về đóng bảo hiểm xã hội còn thấp, tình trạng nợ đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội còn diễn ra ở nhiều doanh nghiệp, ảnh hưởng đến nguồn thu quỹ bảo hiểm xã hội.

+ Tỷ lệ hưởng lương hưu cao và công thức tính tỷ lệ hưởng lương hưu còn chưa hợp lý (75% cho 25 năm đóng bảo hiểm xã hội đối với nữ và 30 năm đối với nam). Tỷ lệ tính hưởng lương hưu bình quân của nam là 2,5% cho một năm đóng, của nữ là 3% cho một năm đóng là quá cao (bình quân các nước trên thế giới là 1,7%). Tỷ lệ giảm lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi chỉ 1% là thấp.

+ Tiền lương bình quân làm căn cứ tính lương hưu của người lao động trong khu vực nhà nước chỉ tính bình quân trên một số năm cuối (là giai đoạn người lao động có mức lương cao nhất).

+ Số người đóng bảo hiểm xã hội cho một người hưởng lương hưu ngày càng giảm, nếu như năm 1996 có 217 người đóng bảo hiểm xã hội cho 1 người hưởng lương hưu, con số này giảm xuống còn 34 người vào năm 2000, 19 người vào năm 2004, 14 người vào năm 2007, 11 người vào năm 2009, 9,9 người vào năm 2011, 9,3 người vào năm 2012 và đến năm 2013 chỉ có 9,13 người đóng bảo hiểm xã hội cho 1 người hưởng lương hưu.

+ Tuổi nghỉ hưu thấp dẫn tới thời gian đóng bảo hiểm xã hội ngắn (số năm đóng bảo hiểm xã hội bình quân đối với nam là 28 năm và nữ là 23 năm) và thời gian hưởng lương hưu dài. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 thì số năm trung bình còn sống thêm của nam ở tuổi 60 là 18,1 năm và của nữ ở tuổi 55 là 24,5 năm (trên thực tế tuổi nghỉ hưu bình quân năm 2012 chỉ là 54,2 tuổi, trong đó nam là 55,6 tuổi và nữ là 52,6 tuổi).

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa trong tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội còn chậm, dẫn đến chưa giảm thiểu được chi phí quản lý.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn trên, để khắc phục được những hạn chế, bất cập của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, đồng thời thể chế hóa được các quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách bảo hiểm xã hội thì việc sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội là cần thiết, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong tình hình mới, đáp ứng được nguyện vọng của người lao động, bảo đảm an sinh xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

Việc xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) được chuẩn bị trên cơ sở quán triệt những quan điểm sau đây:

1. Tiếp tục thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước trong: Hiến pháp năm 2013; Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012, Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; Kết luận số 63-KL/TW tại Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020, cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt.
 - Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; xây dựng chính sách khuyến khích nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; phấn đấu đến năm 2020 có 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội.
 - Tuân thủ nguyên tắc đóng - hưởng và bảo đảm khả năng cân đối quỹ bảo hiểm xã hội.
 - Hoàn thiện các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo đảm sự bình đẳng trong tham gia và thụ hưởng bảo hiểm xã hội.
2. Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) được xây dựng trên cơ sở kế thừa, phát triển những quy định hiện hành phù hợp đã đi vào cuộc sống, sửa đổi các quy định chưa phù hợp, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật; bổ sung những quy định mới phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên tham gia bảo hiểm xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để mọi người lao động tham gia và thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

4. Xây dựng các chế độ bảo hiểm xã hội tuân thủ theo nguyên tắc mức hưởng trên cơ sở mức đóng và có chia sẻ giữa những người tham gia bảo hiểm xã hội tùy theo tính chất của từng chế độ, bảo đảm công bằng và bền vững của hệ thống bảo hiểm xã hội.

5. Tham khảo và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia có điều kiện phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII và sự phân công của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII, ngày 20 tháng 11 năm 2014 Quốc hội đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội. So với Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành thì Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 có những điểm mới sau:

VỀ KẾT CẤU LUẬT

Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành có kết cấu gồm 11 chương và 141 điều. Luật Bảo hiểm xã hội kế thừa kết cấu của luật hiện hành trên cơ sở bỏ 01 chương về bảo hiểm thất nghiệp; gộp Chương IX Khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội và Chương X Khen thưởng và xử lý vi phạm của luật hiện hành thành một chương. Theo đó, Luật Bảo hiểm xã hội gồm có 9 chương và 125 điều.

VỀ NỘI DUNG LUẬT

I. Chương 1. Những quy định chung

Chương này gồm 17 điều (từ Điều 1 đến Điều 17). Những sửa đổi tập trung vào những vấn đề sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 không áp dụng đối với bảo hiểm thất nghiệp do bảo hiểm thất nghiệp đã được quy định trong Luật Việc làm.

2. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc:

So với Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 bổ sung thêm 03 nhóm đối tượng sau:

+ Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng;

+ Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

+ Người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

- Đổi tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện:

Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo hướng không khống chế tuổi tràn tham gia.

3. Về quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội

Bổ sung thêm 03 điều (từ Điều 10 đến Điều 12) quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các cấp về bảo hiểm xã hội.

4. Thanh tra bảo hiểm xã hội

- Bổ sung Thanh tra tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về quản lý tài chính bảo hiểm xã hội.

- Bổ sung cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế.

5. Quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

- Bổ sung quyền của tổ chức công đoàn khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động.

- Bổ sung thêm quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

II. Chương 2. Quyền và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội

Chương này gồm 6 điều (từ Điều 18 đến Điều 23). Những sửa đổi tập trung vào những vấn đề sau:

1. Bổ sung thêm các quyền của người lao động được:

- Quản lý sổ bảo hiểm xã hội.

- Hưởng bảo hiểm y tế trong thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp thai sản khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi; đang hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.

- Được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động nếu thuộc trường hợp thương tật, bệnh tật tái phát đã được điều trị ổn định, người đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội; được thanh toán phí giám định y khoa nếu đủ điều kiện để hưởng bảo hiểm xã hội.

- Được cơ quan bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động định kỳ cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội.

2. Trách nhiệm của người sử dụng lao động:

- Bổ quy định người sử dụng lao động bảo quản sổ bảo hiểm xã hội của người lao động trong thời gian người lao động làm việc (giao người lao động giữ sổ bảo hiểm xã hội);

- Bổ sung trách nhiệm về định kỳ 06 tháng, niêm yết công khai thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; hàng năm, niêm yết công khai thông tin đóng bảo hiểm xã hội của người lao động do cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp.

3. Quyền và trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội:

- Bổ sung quyền của cơ quan bảo hiểm xã hội:

+ Yêu cầu người sử dụng lao động xuất trình sổ quản lý lao động, bảng lương và thông tin, tài liệu khác liên quan đến việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

+ Được cơ quan đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp giấy chứng nhận hoạt động hoặc giấy phép hoạt động gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận hoạt động hoặc quyết định thành lập để thực hiện đăng ký lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với doanh nghiệp, tổ chức thành lập mới.

+ Định kỳ 06 tháng được cơ quan quản lý nhà nước về lao động ở địa phương cung cấp thông tin về tình hình sử dụng và thay đổi lao động trên địa bàn.

+ Được cơ quan thuế cung cấp mã số thuế của người sử dụng lao động; định kỳ hàng năm cung cấp thông tin về chi phí tiền lương để tính thuế của người sử dụng lao động.

+ Thanh tra chuyên ngành việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

+ Xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

- Bổ sung trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội:

+ Ban hành mẫu số, mẫu hồ sơ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

+ Hàng năm, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho từng người lao động; hàng năm, cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để người sử dụng lao động niêm yết công khai.

+ Hàng năm, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; báo cáo Bộ Y tế về tình hình thực hiện bảo hiểm y tế; báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Hàng năm, cơ quan bảo hiểm xã hội tại địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về tình hình thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trong phạm vi địa phương quản lý.

+ Công khai trên phương tiện truyền thông về người sử dụng lao động vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

III. Chương 3. Bảo hiểm xã hội bắt buộc

Chương này gồm 48 điều (từ Điều 24 đến Điều 71) và chia thành 5 mục như sau:

- Mục 1: Chế độ ốm đau
- Mục 2: Chế độ thai sản
- Mục 3: Chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
- Mục 4: Chế độ hưu trí
- Mục 5: Chế độ tử tuất

Những sửa đổi ở chương này tập trung vào những vấn đề như sau:

1. Chế độ ốm đau

- Sửa đổi quy định về thời gian nghỉ hưởng chế độ ốm đau đối với trường hợp mắc bệnh thuộc danh mục cần chữa trị dài ngày đã hưởng hết thời hạn 180 ngày mà vẫn tiếp tục điều trị thì được hưởng tiếp chế độ ốm đau với mức thấp hơn nhưng thời gian hưởng tối đa bằng thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.

- Sửa đổi quy định mức hưởng trợ cấp ốm đau một ngày được tính bằng mức trợ cấp ốm đau theo tháng chia cho 24 ngày (hiện hành chia cho 26 ngày).

- Tăng mức trợ cấp ốm đau đối với người lao động mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày từ 45% lên 50% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm.

- Sửa đổi quy định mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau một ngày bằng 30% mức lương cơ sở (hiện hành quy định bằng 25% nếu nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tại gia đình và bằng 40% nếu nghỉ tại cơ sở tập trung).

2. Chế độ thai sản

- Sửa đổi quy định thời gian hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ nghỉ việc hưởng chế độ khi sinh con, nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động năm 2012.

- Bổ sung quy định lao động nam có vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản 05 ngày làm việc trong trường hợp sinh thường; 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi; trường hợp vợ sinh đôi thì được nghỉ 10 ngày làm việc, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày làm việc; Trường hợp vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc.

- Bổ sung quy định điều kiện hưởng chế độ thai sản đối với trường hợp lao động nữ khi mang thai phải nghỉ việc để dưỡng thai chỉ cần đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 3 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh thay vì phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 6 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con như Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành.

- Bổ sung chế độ thai sản của lao động nữ mang thai hộ và người mẹ nhờ mang thai hộ.

- Bổ sung quy định trợ cấp một lần khi sinh con đối với trường hợp chỉ có cha tham gia bảo hiểm xã hội.

- Sửa đổi quy định mức hưởng một ngày được tính bằng mức hưởng chế độ thai sản theo tháng chia cho 24 ngày (hiện hành chia cho 26 ngày).

- Sửa đổi quy định mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau một ngày bằng 30% mức lương cơ sở.

3. Chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Giữ nguyên các quy định về chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, nội dung chế độ này sẽ được chuyển sang Luật An toàn vệ sinh lao động.

4. Chế độ hưu trí

- Điều kiện hưởng lương hưu:

+ Sửa đổi quy định lao động nữ là người hoạt động chuyên trách hoặc không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn tham gia bảo hiểm xã hội khi nghỉ việc mà có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu. Những đối tượng này không được áp dụng quy định mức lương hưu thấp nhất bằng mức lương cơ sở.

+ Có lộ trình tăng dần tuổi hưởng lương hưu đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80% từ nam đủ 50 tuổi, nữ đủ 45 tuổi lên 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ.

- Tỷ lệ hưởng lương hưu

+ Quy định có lộ trình tăng dần thời gian đóng bảo hiểm xã hội để đạt tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa 75%, tiến tới người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 30 năm đối với nữ và 35 năm đối với nam thì đạt tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa 75%.

+ Sửa đổi quy định giảm trừ tỷ lệ hưởng lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi quy định từ 1% lên 2% cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định.

- Bảo hiểm xã hội một lần:

+ Sửa đổi quy định điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo hướng chỉ giải quyết bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động khi đã hết tuổi lao động mà không đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc ra nước ngoài để định cư hợp pháp. Riêng đối với lực lượng vũ trang vẫn thực hiện như quy định hiện hành, được giải quyết ngay khi phục viên, xuất ngũ, nếu không đủ điều kiện để hưởng lương hưu và người lao động có nhu cầu. Bổ sung trường hợp được giải quyết bảo hiểm xã hội một lần đối với bị mắc bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế (kể cả trường hợp có từ đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên)

+ Tăng mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần từ 1,5 tháng lên 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho những năm đóng từ năm 2014 trở đi.

- Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp một lần

Sửa đổi cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định theo hướng có lộ trình tiến tới tính bình quân toàn bộ thời gian đóng như người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định. Cụ thể:

+ Đối với người bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì vẫn tính bình quân 5 năm, 6 năm, 8 năm hoặc 10 năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu như Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006.

+ Đối với người bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 thì tính bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 15 năm cuối trước khi nghỉ hưu;

+ Đối với người bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 thì tính bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 20 năm cuối trước khi nghỉ hưu;

+ Đối với người bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi thì tính bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của toàn bộ thời gian.

- Điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội

+ Đối với người tham gia bảo hiểm xã hội từ trước ngày luật này có hiệu lực thi hành thì việc điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội vẫn thực hiện như quy định hiện hành.

+ Đối với người bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày luật này có hiệu lực thi hành thì tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội được điều chỉnh trên cơ sở chỉ số giá sinh hoạt của từng thời kỳ áp dụng cho mọi người lao động, không phân biệt người lao động thuộc khu vực nhà nước hay ngoài nhà nước.

- Chế độ hưu trí đối với người bị phạt tù giam, ra nước ngoài để định cư

+ Đối với người đang hưởng lương hưu hoặc đủ điều kiện hưởng lương hưu mà bị phạt tù giam thì cũng được hưởng lương hưu.

+ Đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng ra nước ngoài để định cư được giải quyết hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu được tính theo thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội và thời gian đã hưởng lương hưu.

5. Chế độ tử tuất

- Sửa đổi quy định điều kiện hưởng trợ cấp mai táng đối với thân nhân người lao động đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội là phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 12 tháng trở lên.

- Bổ sung quy định cho phép thân nhân người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp hàng tháng được lựa chọn hưởng trợ cấp tuất một lần, trừ trường hợp con dưới 06 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng mà bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

- Tăng mức trợ cấp tuất một lần đối với thân nhân của người lao động đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho các năm đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2014 trở đi (hiện hành là 1,5 tháng).

IV. Chương 4. Bảo hiểm xã hội tự nguyện

Chương này gồm 10 điều (từ Điều 72 đến Điều 81) và chia thành 2 mục gồm:

- Mục 1: Chế độ hưu trí
- Mục 2: Chế độ tử tuất

Những sửa đổi ở chương này tập trung vào những sửa đổi tương đồng với chế độ hưu trí và tử tuất trong bảo hiểm xã hội bắt buộc như: tỷ lệ hưởng lương hưu, điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội một lần, mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần, trợ cấp tuất một lần.

V. Chương 5. Quỹ bảo hiểm xã hội

Chương này gồm 11 điều (từ Điều 82 đến Điều 92). Những sửa đổi tập trung vào những vấn đề sau:

- Hợp nhất quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện với quỹ hưu trí và tử tuất của quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc.

- Bổ sung nội dung chi của quỹ trả chi phí giám định y khoa đối với trường hợp người lao động chủ động đi giám định mức suy giảm khả năng lao động và đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp thai sản khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi hoặc nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động bị mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.

- Bổ sung phương thức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: đóng một lần cho nhiều năm về sau với mức thấp hơn mức đóng hàng tháng hoặc một lần cho những năm còn thiếu với mức cao hơn mức đóng hàng tháng.

- Bổ sung quy định về việc thực hiện đóng bù cho thời gian được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

- Về tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc: sửa đổi quy định tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định theo hướng:

+ Từ ngày luật này có hiệu lực thi hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật về lao động.

+ Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trở đi, tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động.

- Về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội: Sửa đổi theo hướng quy định chi phí quản lý bảo hiểm xã hội hàng năm được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ. Định kỳ 03 năm, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định về mức chi phí quản lý bảo hiểm xã hội.

- Về các hình thức đầu tư được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

+ Bổ sung hình thức đầu tư "Cho ngân sách nhà nước vay".

+ Bỏ hình thức "Đầu tư vào các công trình kinh tế trọng điểm quốc gia".

+ Sửa đổi hình thức đầu tư "Cho ngân hàng thương mại của Nhà nước vay" bằng hình thức "Gửi tiền, mua trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam".

VI. Chương 6. Tổ chức, quản lý bảo hiểm xã hội

Chương này gồm 3 điều (từ Điều 93 đến Điều 95). Những sửa đổi tập trung vào những vấn đề sau:

- Quy định cụ thể cơ quan bảo hiểm xã hội là cơ quan nhà nước có chức năng thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, quản lý và sử dụng các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; thanh tra việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này.

- Quy định cụ thể hơn các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội.

VII. Chương 7. Trình tự, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội

Chương này gồm 22 điều (từ Điều 96 đến Điều 117) và chia thành 02 mục gồm:

Mục 1: Trình tự, thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội

Mục 2: Trình tự, thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội

Những sửa đổi ở chương này tập trung vào những vấn đề sau:

Quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, trách nhiệm và thời hạn giải quyết trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành đã được thực hiện ổn định, nghiên cứu, tiếp thu các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính ban hành kèm theo các Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010, Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 9 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về việc đơn giản hóa các thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

VIII. Chương 8. Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về bảo hiểm xã hội

Chương này gồm 05 điều (từ Điều 118 đến Điều 122). Những sửa đổi tập trung vào những vấn đề sau:

- Bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của cơ quan bảo hiểm xã hội.

- Sửa đổi quy định về việc nộp số tiền lãi dôi với số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội từ 01 lần mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm lên bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng.

IX. Chương 9. Điều khoản thi hành

Chương này gồm 03 điều (từ Điều 123 đến Điều 125). Những sửa đổi tập trung vào những vấn đề sau:

- Quy định cụ thể hơn việc tính thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 để hưởng bảo hiểm xã hội; phụ cấp khu vực hàng tháng đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng đang hưởng phụ cấp khu vực hàng tháng.

- Giao Chính phủ quy định cụ thể chế độ ốm đau đối với mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày đang hưởng chế độ ốm đau trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành; các trường hợp không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

- Quy định hiệu lực thi hành của Luật này từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Riêng người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng và người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

IV. TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

Với chức năng là cơ quan được giao chủ trì xây dựng dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), ngay sau khi được Quốc hội thông qua, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội, trong đó tập trung vào việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo hiểm xã hội.

Ngày 22 tháng 01 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-TTg về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được thông qua tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII, theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao các cơ quan chủ trì soạn thảo các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 gồm:

(1) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc (đối với khu vực dân sự), *cơ quan chủ trì soạn thảo là Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội*.

(2) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, *cơ quan chủ trì soạn thảo là Bộ Quốc phòng*.

(3) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, *cơ quan chủ trì soạn thảo là Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội*.

(4) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện, *cơ quan chủ trì soạn thảo là Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội*.

(5) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm hưu trí bổ sung, cơ quan chủ trì soạn thảo là Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

(6) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội về thanh tra bảo hiểm xã hội, cơ quan chủ trì soạn thảo là Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

(7) Nghị định quy chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan bảo hiểm xã hội, cơ quan chủ trì soạn thảo là Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

(8) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều 90 Luật Bảo hiểm xã hội về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, cơ quan chủ trì soạn thảo là Bộ Tài chính.

Trong thời gian tới, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành được giao chủ trì soạn thảo các văn bản quy định chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 tập trung nguồn lực tiến hành nghiên cứu, xây dựng các văn bản đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ đặt ra. Các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội chủ động tham gia, đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật, đồng thời tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các quy định của luật để mọi người lao động, người sử dụng lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan biết và thực hiện.